

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Công nghiệp Renli Việt Nam;

Xét văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số ĐN- MT02 ngày 20/5/2025 của Công ty TNHH Công nghiệp Renli Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 180/TTr-SNN&MT ngày 27/5/2025 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 của Công ty TNHH Công nghiệp RENLI Việt Nam, có địa chỉ tại Lô CN-M-08, CN-S-14, Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023.

Điều 2. Công ty TNHH Công nghiệp RENLI Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 1).

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) được duyệt.


Điều 4. Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 1) có hiệu lực từ ngày ký ban hành cho đến khi Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 hết hiệu lực.

Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh; Chủ tịch UBND thị xã Quảng Yên; Chủ tịch UBND cấp xã có liên quan; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp RENLI Việt Nam và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - Sở KH-CN;
 - Trung tâm PV HCC tỉnh;
 - Công TTĐT Sở NN&MT (đăng tải);
 - V0, V1-3, MT;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 136

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nghiêm Xuân Cường



Phụ lục

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1.7.3.1/GPMT-UBND ngày 30/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

I. Điều chỉnh một số nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn khí thải phát sinh từ nguồn số 01 đến nguồn số 07: Giữ nguyên như Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.
- Điều chỉnh Nguồn số 08: Khí thải từ lò hơi sử dụng nhiên liệu sinh khối dạng rắn (viên nén gỗ).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải từ số 01 đến số 05: Giữ nguyên như Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.
- Điều chỉnh Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 08 (khí thải từ lò hơi sử dụng nhiên liệu sinh khối dạng rắn (viên nén gỗ)).
- Vị trí xả thải giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.

3. Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Điều chỉnh tăng tổng lượng xả khí thải lớn nhất lên 112.500 m³/ngày đêm

- Dòng khí thải từ số 01 đến số 05 giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.
- Điều chỉnh Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 11.250 m³/giờ.

4. Phương thức xả khí thải:

- Giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.

5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải.

- Bổ sung chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tại dòng thải số 6.
6. Điều chỉnh chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường đối với các dòng thải số 01, 02, 03, 06 của Dự án phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường bao gồm: (1). QCVN 05:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với

bụi và các chất vô cơ tinh Quảng Ninh ($K_p=0,8$; $K_v=1$; $K_v \text{ bụi} = 0,6$); (2). QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, (3). QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (1)	Giá trị giới hạn cho phép (2)	Giá trị giới hạn cho phép (3)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
IV Dòng thải số 06							
1	Bụi	mg/Nm ³	96	-	45	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	NO _x	mg/Nm ³	680	-	400		
3	CO	mg/Nm ³	800	-	400		

* Từ ngày 01/7/2025, QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, có hiệu lực thi hành sẽ thay thế cho QCVN 20:2009/BTNMT và QCĐP 05:2020/QN. Do đó, thời gian áp dụng (1). QCĐP 5:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tinh Quảng Ninh ($K_p=0,8$; $K_v=1$; $K_v \text{ bụi} = 0,6$); (2). QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ đến ngày 31/12/2031. Từ ngày 01/01/2032 sẽ áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT.

6. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.

b. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải của các nguồn thải từ số 01 đến số 07: Giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.

- Hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 08 (xử lý khí thải từ lò hơi tại nhà xưởng B) sẽ điều chỉnh như sau:

Khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Xyclon tách bụi → Tháp hấp thụ nước để dập bụi → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Điều chỉnh Công suất thiết kế: 11.250 m³/giờ.

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp (Không thuộc đối tượng phải lắp đặt).

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Giữ nguyên theo giấy phép đã được cấp.

1.7. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

1.7.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Điều chỉnh thành 02 tháng.

- Giai đoạn 1: Dự kiến từ tháng 7/2025 đến tháng 8/2025.

- Giai đoạn 2: Dự kiến từ tháng 10/2025 đến tháng 11/2025.

1.7.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

* Giai đoạn 1 sẽ thay đổi như sau:

- Hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 01 và 02, 03: Giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã cấp.

- Bổ sung 01 Hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 08, công suất: 11.250 m³/giờ.

* Giai đoạn 2: Giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.

1.7.2.1. Vị trí lấy mẫu sẽ thay đổi như sau:

- Vị trí số 01, 02, 03: Giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 3565/GPMT-UBND ngày 17/11/2023 đã được cấp.

- Bổ sung Vị trí số 04: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 08.

1.7.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

- Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 01, nguồn số 02, 03 và nguồn số 04, 05: Giữ nguyên theo giấy phép đã được cấp.

- Bổ sung Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 08.

+ Thông số quan trắc: Bụi, NO_x, CO.

+ Quy chuẩn so sánh:

QCĐP 5:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tinh Quảng Ninh (Kp= 0,8; Kv=1; Kv bụi = 0,6).

1.7.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Giữ nguyên theo giấy phép đã được cấp./.